

NGOẠI NGỮ VỚI BAN NGỮ

MỘT SỐ LỖI DỊCH TRUNG-VIỆT TRONG PHIM TRUYỀN HÌNH “PHIÊN DỊCH VIÊN XINH ĐẸP” QUÁCH THỊ HÒA*

TÓM TẮT: Cùng với sự phát triển mạnh mẽ trong quan hệ hợp tác quốc tế trên lĩnh vực văn hóa, phim truyền hình quốc tế, trong đó có phim truyền hình Trung Quốc du nhập vào Việt Nam ngày càng nhiều, góp phần thỏa mãn nhu cầu giải trí và tìm hiểu về đất nước con người các nước trên thế giới của đông đảo khán giả Việt Nam. Tuy nhiên, chất lượng các bản dịch phim vẫn còn có những hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận ngôn ngữ và văn hóa quốc tế qua phim ảnh. Bài viết này khảo sát chỉ ra một số lỗi dịch trong bản dịch tiếng Việt phim truyền hình Trung Quốc *Phiên dịch viên xinh đẹp* (亲爱的翻译官), từ đó chỉ ra nguyên nhân và một số biện pháp khắc phục lỗi, nhằm nâng cao chất lượng bản dịch.

TỪ KHÓA: dịch thuật; phim truyền hình; tiếng Trung Quốc; tiếng Việt.

NHẬN BÀI: 25/10/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 17/12/2025

1. Đặt vấn đề

Từ khi thực hiện chính sách cải cách mở cửa, quan hệ hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với các nước trên thế giới trên mọi lĩnh vực, trong đó có văn hóa văn nghệ ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu. Phim truyền hình nhiều nước, đặc biệt là phim Trung Quốc du nhập vào Việt Nam ngày càng nhiều. Trong bối cảnh đó, công tác dịch phim đóng vai trò vô cùng quan trọng, làm cầu nối giữa tác giả bản nguồn với khán giả. Bản bản dịch hay sẽ tạo điều kiện cho khán giả tiếp cận gần nhất với ngôn ngữ, văn hóa các nước trên thế giới, vừa đạt được đỉnh cao về mặt giải trí, vừa là phương thức học tập, nâng cao hiểu biết và mở rộng tầm nhìn của đông đảo khán giả. Tuy nhiên, qua thực tế xem và cảm nhận, chúng tôi thấy, mặc dầu chất lượng dịch phim ngày một nâng cao, nhưng nhìn nhận một cách nghiêm túc, vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, thậm chí là xảy ra lỗi khá nghiêm trọng, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận ngôn ngữ và văn hóa quốc tế của người xem phim.

Ở Việt Nam, đã có một số nghiên cứu dịch phim truyền hình từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, trong đó có dịch phim từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt. Chẳng hạn, Lê Thị Tuấn (2020) đã đi sâu phân tích vấn đề dịch liên ký hiệu và dịch phim châu Á cải biên từ một tác phẩm cụ thể, sự dịch chuyển ký hiệu loại hình, liên ký hiệu - liên văn hóa được tác giả phân tích thấu đáo và đưa ra mô hình chuyển hóa. Trần Thị Minh (2024) trên cơ sở khái quát lại các đặc điểm nổi bật của tựa đề và 5 nguyên tắc dịch tựa đề, tiến hành khảo sát và phân tích thực trạng dịch tựa đề phim tại một cơ sở chiếu phim cụ thể, từ đó rút ra 4 cách dịch. Cẩm Tú Tài (2016) nghiên cứu dịch tên phim nước ngoài sang tiếng Việt: Hiện trạng và giải pháp.

Bài viết này phân tích những lỗi dịch thuật ngữ trong phim *Phiên dịch viên xinh đẹp* (亲爱的翻译官). Đây là bộ phim truyền hình nhiều tập được chuyển thể từ tiểu thuyết nổi tiếng cùng tên của nhà văn Mậu Quỳên, phát trên kênh truyền hình Quảng Ninh QTVI lúc 21 giờ 45 phút hàng ngày, từ tháng 9/2019 và phát trên kênh truyền hình cáp Saigontourist SCT18 vào lúc 10 giờ sáng từ tháng 6 năm 2021. Trên cơ sở phân tích đặc điểm lỗi, chúng tôi chỉ ra nguyên nhân và một số biện pháp khắc phục lỗi, nhằm nâng cao chất lượng bản dịch, đáp ứng tốt hơn nhu cầu xem phim của khán giả.

2. Cơ sở lý thuyết dịch

Theo *Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại* (2001), phiên dịch là “biểu đạt ngôn ngữ văn tự này bằng một ngôn ngữ văn tự khác; biểu đạt ký hiệu hoặc mã số tiêu biểu cho ngôn ngữ văn tự bằng một ngôn ngữ văn tự khác”. Dịch là quá trình tìm ra tương đương cả về nội dung thông tin và hình thức biểu đạt giữa ngôn bản nguồn và bản đích. Người dịch phải cố gắng tìm ra điểm chung giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, đồng thời xử lý những điểm khác biệt để đạt được sự tương đương. Mức độ tương đương có thể xếp ở mức cấp độ khác nhau. Trong quá trình dịch, người dịch ít nhất cũng phải tìm được cách biểu đạt

*Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: quach.hoa284@gmail.com

tương đương với bản nguồn ở mức có thể chấp nhận được. Koller (1979) đã chia ra tương đương trong dịch thuật gồm 5 loại, bao gồm tương đương biểu niệm, tương đương biểu thái, tương đương chuẩn văn bản từ ngữ trong ngữ nguồn và ngữ đích được sử dụng trong cùng ngôn cảnh tương ứng, tương đương ngữ dụng hướng đến đối tượng tiếp nhận văn bản và tương đương hình thức [Dẫn theo Cẩm Tú Tài, tr.53].

Về chiến lược dịch, dịch giả cần chú trọng hai phương diện: đồng hóa và dị hóa. Đồng hóa trong dịch thuật phải đạt được yêu cầu bản địa hóa ngôn ngữ bản nguồn, nhằm đạt được mục đích cuối cùng là hướng tới người đọc bản dịch, giúp họ dễ dàng tiếp thu bản dịch, không chịu ảnh hưởng của rào cản văn hóa. Dịch giả phải chọn cho được cách biểu đạt quen thuộc với độc giả bản dịch để truyền tải nội dung của nguyên bản, đồng thời chú trọng việc thêm hoặc bớt từ vào lời dịch, sao cho biệc biểu đạt của ngôn ngữ đích vừa chuyển tải chính xác, đầy đủ thông tin trong bản nguồn, vừa phù hợp với phong cách, thói quen biểu đạt của ngôn ngữ đích. Những cơ sở lý thuyết trên đây giúp chúng tôi có căn cứ để xác định lỗi chuyển dịch thuật ngữ của dịch giả trong bộ phim *Phiên dịch viên xinh đẹp* (亲爱的翻译官).

3. Kết quả nghiên cứu

Do tác động của nhiều nhân tố chủ quan và khách quan, trong bản dịch tiếng Việt bộ phim truyền hình Trung Quốc *Phiên dịch viên xinh đẹp* (亲爱的翻译官) còn tồn tại một số lỗi ở những mức độ khác nhau. Cụ thể:

+ 高翻院: được dịch là “Cao phiên viện” và “Viện Cao phiên”.

Tiếng Trung: 秦贝贝是因为违反了高翻院守则, 直接被开除, 你今天面试迟到, 虽然没被开除, 但也是零分。高翻院, 不要一群猪的队友在一起抱团取暖。(Đoạn thoại 9 Tập 2)

Tiếng Việt (dịch): *Tần Bối Bối vì vi phạm quy tắc của viện Cao Phiên mà bị khai trừ thẳng thừng, hôm nay em tới phỏng vấn trễ, tuy là chưa bị khai trừ, nhưng cũng bị 0 điểm. Viện cao phiên, không cần một đội ngũ luộm thuộm vô kỷ luật ở cạnh nhau để vui chơi.*

+ 高翻院 là cách nói tắt của của 高级翻译学院. Vì vậy, để khán giả dễ tiếp thu, dịch giả cần áp dụng thủ pháp hoàn nguyên khi chuyển dịch thành “Học viện phiên dịch cao cấp”.

同传现场: được dịch là “hiện trường phiên dịch”.

Tiếng Trung: 幸亏我听你说这句话是在训练时, 不是在同传现场, 如果在同传现场, 你丢的将是整个高翻院的脸! (Đoạn 118, Tập 1)

Tiếng Việt (dịch): *May là thầy nghe câu nói này ở trong lớp tập huấn, chứ không phải ở hiện trường phiên dịch, nếu ở hiện trường phiên dịch, em sẽ làm mất mặt cả viện cao phiên này đó!*

Dịch giả đã chuyển dịch 同传现场 thành hiện trường phiên dịch là chưa chính xác. Phiên dịch có nhiều phương thức. Trong đoạn thoại trên, Gia Dương chỉ đề cập đến một hình thức là hiện trường dịch song song hoặc hiện trường dịch đuổi. Lỗi này còn lặp lại ở đoạn 84 Tập 1.

+ 遗传概率: được dịch thành khả năng di truyền;

词汇: được dịch thành ngữ vựng.

分子生物学: được dịch thành phân tử sinh học

Tiếng Trung: 分子生物学和人类学这样的词汇, 都弄不清楚, 你觉得这是小错误吗? (Đoạn 27, Tập 2)

Tiếng Việt (dịch): *Phân tử sinh học và nhân loại học ngữ vựng đơn giản này mà cũng không phân biệt được, em nghĩ đó là lỗi nhỏ sao?*

Thứ nhất, dịch giả nhầm lẫn hai khái niệm 概率 (xác suất) và 可能 (khả năng) dẫn tới chuyển dịch thành khả năng di truyền. Thuật ngữ này cần chỉnh lại thành xác suất di truyền.

Thứ hai, thuật ngữ 分子生物学 dịch giả dịch thành phân tử sinh học. Trong tiếng Việt, thuật ngữ chuyên ngành tương ứng là Sinh học phân tử. Dịch giả chưa xác định đúng cấu trúc ngữ pháp cũng như sự khác biệt về trật tự từ giữa tiếng Trung Quốc và tiếng Việt nên đã chuyển dịch sai, dẫn tới lẫn lộn hai khái niệm sinh học phân tử và phân tử sinh học. Thuật ngữ 分子生物学 phân tử sinh vật học tiếng Anh gọi là Molecular biology, tương ứng với sinh (vật) học phân tử trong tiếng Việt, là khái niệm dùng để chỉ môn

học cơ bản nghiên cứu về sự sống trên mức độ phân tử, chủ yếu tìm tòi và chỉ ra bản chất của sự sống, bao gồm nghiên cứu về cấu trúc và chức năng của đại phân tử sinh học, như DNA, RNA, tác dụng tương hỗ của chúng trong tế bào. Còn 生物分子 sinh vật học phân tử tiếng Anh gọi là *Biomolecule*, tương ứng với *phân tử sinh (vật) học* trong tiếng Việt, là thuật ngữ chỉ phân tử tồn tại trong cơ thể sinh vật, là nền tảng hoạt động của sự sống.

Thứ ba, thuật ngữ ngôn ngữ học 词汇 tương đương với tiếng Việt là “từ vựng” (trước đây còn gọi là *từ hội*).

+ 文化内涵 dịch thành *văn hóa nội hàm*; 大卷舌音 dịch thành *uốn cong cái lưỡi*; 单词 dịch thành *đơn từ*.

Đây là các lỗi về trật tự từ tổ trong từ, cần dịch lại là:

文化内涵 (đoạn 40, tập 1), phải dịch là: *nội hàm văn hóa*.

大卷舌音 (đoạn 254, tập 2) phải dịch là: *âm cuốn lưỡi*.

单词 (đoạn 215, tập 10) phải dịch là: *từ đơn*.

+ 项目 được dịch thành: *hạng mục*.

Tiếng Trung: 当然欢迎, 回来带项目组吧 (đoạn thoại số 132 Tập 2).

Tiếng Việt (dịch): *Tất nhiên hoan nghênh rồi, trở về dẫn tổ hạng mục đi.*

Tiếng Trung: 我刚回来, 项目组压力太大了 (đoạn thoại số 133 Tập 2).

Tiếng Việt (dịch): *Em vừa mới trở về, tổ hạng mục áp lực nặng quá.*

项目 có âm Hán Việt là *hạng mục*. Khi du nhập vào tiếng Việt, từ này có hai nghĩa: 1/Công trình nhỏ, riêng lẻ nằm trong một tổ hợp công trình lớn; 2/Phần, mục đã được quy định thành loại, hạng nhất định để tính toán. Theo đó, từ 项目 bên cạnh dịch là *hạng mục* còn có thể dịch thành *dự án* trong các cụm từ dự án đầu tư (投资项目), dự án trồng rừng (造林项目). Vì thế, việc dịch giả đơn thuần dùng âm Hán Việt “hạng mục” để dịch là chưa phù hợp.

+ 投入和产出比 được dịch là: *kiểu đầu tư phải có lời*

Đoạn thoại số 157, tập 4 xuất hiện thuật ngữ 投入和产出比 thuộc lĩnh vực quản lý đầu tư. Thuật ngữ này dùng để chỉ chỉ số đo lường hiệu quả đầu tư bằng cách so sánh lợi nhuận thu được với chi phí bỏ ra để đầu tư, tiếng Anh gọi là *Return on Investment*, tương đương với *tỉ lệ lợi nhuận trên đầu tư* hay *tỉ lệ hoàn vốn* trong tiếng Việt. Tuy nhiên, dịch giả chuyển dịch thành *kiểu đầu tư phải có lời* là một lỗi lớn. Lời dịch đã bỏ qua từ trung tâm 比 *tỉ* (tỉ lệ/ chỉ số) trong thuật ngữ dẫn đến chuyển dịch sai.

+ 双关语 được dịch là: *song quan ngữ*.

Thuật ngữ 双关语 *song quan ngữ* tương đương với *hài âm song quan* trong tiếng Việt. Thuật ngữ này xuất hiện trong ngữ cảnh sau khi nghe Kiều Phi nói đùa, Trình Gia Dương với tư cách là thầy giáo cho phép học trò nói chuyện với mình thoải mái, vui vẻ như những người bạn với nhau. Trình Gia Dương dùng 双关语 *song quan ngữ* - một thuật ngữ văn chương để mở đầu câu chuyện. Lời thoại cụ thể như sau:

Tiếng Trung: 都坐好吧。既然说到双关语, 那咱们就从双关语说起 (Đoạn 97, Tập 1)

Tiếng Việt (dịch): *Ngồi xuống hết đi, nếu đã nói đến trò ngữ âm, vậy chúng ta sẽ bắt đầu từ trò chơi ngữ âm.*

Hài âm là một trong những thủ pháp tu từ thường gặp trong giao tiếp, nhất là sáng tác văn học nghệ thuật, đặc biệt là thơ ca tiếng Trung Quốc. Đó là cách mà người ta sử dụng chữ/ từ đồng âm hoặc gần âm để thay thế cho chữ/ từ vốn có trong điều kiện đồng âm hoặc cận âm tiếng Trung cho phép. Thủ pháp sử dụng ngôn từ này tạo nên tính khôi hài, uyển chuyển, hàm súc trong biểu đạt, gây hứng thú cho người đọc và người nghe, hiệu quả giao tiếp cũng được nâng lên. Đó cũng là một dạng chơi chữ trong giao tiếp tiếng Trung. Song quan hài âm tạo nên tính hai tầng nghĩa của một cặp chữ/ từ có liên quan về ngữ âm, nhưng nghĩa khác nhau, khiến người đọc và người nghe cùng một lúc từ tầng nghĩa của chữ/ từ này liên tưởng đến chữ/ từ kia có hình thức ngữ âm giống hoặc gần giống nhưng nghĩa khác nhau và có liên quan với nhau. Những người học tiếng Trung Quốc được tiếp xúc với bài *Xuân tứ* của Lý Bạch đều rất hứng thú

với câu 燕草如碧丝, 秦桑低绿枝 *Yên thảo như bích ti, Tần tang đê lục chi*. Cụm từ 碧丝 *bích ti* nếu phiên âm theo tiếng phổ thông Trung Quốc sẽ là *bìsī*, đồng âm hoàn toàn với 必思 *bìsī*, nhưng đồng âm không hoàn toàn theo cách phiên âm Hán Việt. Nghệ thuật chơi chữ của Lý Bạch thể hiện ở chỗ, ông đã tạo nên cặp từ hài âm song quan giữa 碧丝 *bìsī / bích ti* (sợi tơ xanh biếc) và 必思 *bìsī / tất tư* (nhất định sẽ tương tư, nhưng nhớ). Đồng thời, cụm từ 绿枝 *lǜzhī / lục chi* (cành xanh) đồng âm khác nghĩa với 虑知 *lǜzhī / lự tri* trong đó, 绿 *lǜ / lục* (xanh lục/ xanh lá cây) hài âm với 虑 *lǜ* (suy nghĩ, buồn, tư lự); 枝 *zhī / chi* (cành) hài âm với 知 *tri* (biết). Với cách vận dụng thủ pháp song quan hài âm này, nhà thơ muốn truyền đạt tới người đọc cái ý *Khi cây cỏ đất Yên như sợi tơ biêng biếc, (thì) cây dâu đất Tần cành xanh đã la đà*. Trước cảnh sắc mùa xuân ấy, người chinh phụ ở quê hương và người chinh phụ ở chốn xa trường nhìn thấy cây cỏ đất Tần không thể không cảm thấy nhớ nhung, nhìn thấy cây dâu tươi tốt thì buồn nỗi cách trở xa xôi, nỗi niềm ấy nào ai có biết. Vì vậy, nếu dịch 双关语 thành *trò chơi ngữ âm* thì không chính xác. Lời thoại trên đây cần chỉnh lại là:

Ngồi xuống cả đi, nếu đã nói đến song quan/ hài âm song quan, thì chúng ta sẽ bắt đầu từ hài âm song quan.

+ 引申义: được dịch là: *từ mở rộng*

Lỗi dịch sai thuật ngữ thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học còn phải kể đến 引申义 tương đương với *nghĩa phái sinh, nghĩa mở rộng, nghĩa liên tưởng* trong tiếng Việt. Tuy nhiên, dịch giả chuyển dịch nhằm thành *từ mở rộng* (đoạn 9, tập 8). Trong ngôn ngữ học, *từ* và *nghĩa của từ* là hai khái niệm khác nhau. *Từ* bao gồm *nghĩa của từ*, *nghĩa* là một trong những nhân tố quan trọng của *từ*. Việc chuyển dịch *nghĩa của từ* thành *từ* là một lỗi cơ bản.

+ 卫生部 được dịch là: *sở vệ sinh*

Tiếng Trung: 我说你们谁去呀? 那还是李雷去吧。卫生部要和瑞士的卫生部做个交流, 瑞士方面明天派人来打前站, 你去当随行翻译, 准备一下。(Đoạn 186 Tập 8)

Tiếng Việt (dịch): *Tôi hỏi các cậu ai đi đây, ủa, thôi hay để Lý Lôi đi đi, sở vệ sinh muốn giao lưu với sở vệ sinh bên phía Thụy Sĩ, bên phía Thụy Sĩ ngày mai đưa người tới nghe ngóng trước, cậu đi làm phiên dịch gấp gờ để chuẩn bị trước.*

Đây là đoạn thoại giữa thầy giáo chủ nhiệm họ Điền và thầy Lý Lôi sau đây xuất hiện cụm từ 卫生部 *Vệ sinh bộ* nghĩa là *Bộ Y tế*. Trong đó, 卫生 *vệ sinh* nghĩa là “bảo vệ sự sống”. Từ “vệ sinh” là Hán Việt, có nghĩa là “vệ sinh”: *giữ vệ sinh* (讲卫生), *nhà vệ sinh* (卫生间). Tuy nhiên, 卫生部 lại là *Bộ Y tế*, không thể chuyển dịch thành *Sở Vệ sinh* như dịch giả đã nhầm lẫn.

Trong đoạn thoại trên xuất hiện các lỗi sau:

Thứ nhất, “sở” là “cơ quan quản lý một ngành chuyên môn của nhà nước ở cấp tỉnh và thành phố” (Từ điển tiếng Việt). Trong khi đó, “bộ” là “cơ quan trung ương của bộ máy nhà nước, lãnh đạo và quản lý một ngành công tác” (Từ điển tiếng Việt). Dịch giả đã lẫn lộn cơ quan cấp trung ương với cơ quan cấp tỉnh, thành phố.

Thứ hai, nhầm lẫn giữa hai từ *y tế* và *vệ sinh*. Có thể nói, đây là một trong những lỗi sai cơ bản, lỗi chòng lỏi.

Thứ ba, cũng trong đoạn thoại này, cụm động từ 打前站 *đǎ qián zhàn* nghĩa là “đến trước để tìm hiểu, chuẩn bị điều kiện cho người hoặc đến sau” (Từ điển tiếng Việt). Như vậy, “tiền trạm” trong tiếng Việt là một từ Hán Việt vẫn giữ nguyên nghĩa. Từ “nghe ngóng” mang tính không chính thức, nghiêng về nghe, thông qua cơ quan thánh giá để thăm dò, tìm hiểu tin tức, dư luận, từ đó đưa ra quyết định hành động.

Thứ tư, câu cuối cùng xuất hiện cụm từ 随行翻译 *suí xíng fānyì* nghĩa là đi theo đoàn (khách/ đại biểu) để phiên dịch. Thầy chủ nhiệm giao nhiệm vụ cho thầy Lý Lôi và chỉ nhắc nhở Lý Lôi cần chuẩn bị tinh thần và tư liệu để hoàn thành tốt nhiệm vụ phiên dịch cho đoàn, không có ý yêu cầu Lý Lôi gấp gờ đoàn trước. Hơn nữa, ngày hôm sau đoàn tiền trạm mới đến, Lý Lôi còn có gần một ngày để chuẩn bị.

Lời dịch cần chỉnh sửa lại như sau:

Tôi hỏi các cậu ai đi đây, thôi, hay để Lý Lôi đi đi, **Bộ Y tế (ta)** muốn giao lưu với **Bộ Y tế** bên phía Thụy Sĩ, phía Thụy Sĩ ngày mai **cử** người tới **tiền trạm**, cậu đi làm phiên dịch cho đoàn, chuẩn bị đi nhé.

+ 访华; được dịch là: *phỏng vấn*.

Tiếng Trung: 我要求你们, 一律按照法国总理访华的标准来演练, 所有人必须着正装, 女士化淡妆, 你**面试**那套可不行. (Đoạn 52, Tập 3)

Tiếng Việt (dịch): Tôi yêu cầu các em tất cả tuân theo tiêu chuẩn thủ tướng nước Pháp sang **phỏng vấn** để diễn tập, mọi người đều phải ăn mặc nghiêm túc, nữ trang điểm nhẹ nhàng, bộ đồ cô mặc hôm **phỏng vấn** là không được.

Từ 访华 *phỏng Hoa* là phương thức nói tắt, viết tắt của cụm từ 访问中国, vốn nghĩa là “thăm Trung Quốc”. Trung Quốc còn gọi là Trung Hoa, tiếng Trung Quốc còn gọi là tiếng Hoa và người Trung Quốc định cư ở nước ngoài thường gọi là người Hoa. Tiếng Việt tiếp thu 访问 trong tiếng Hán và tồn tại trong tiếng Việt dưới dạng cách đọc Hán Việt “phỏng vấn”. Tuy nhiên, “phỏng vấn” trong tiếng Việt khác với 访问 trong tiếng Hán hiện đại. Trong tiếng Hán hiện đại, 访问 nghĩa là thăm hoặc chuyên thăm giữa cá nhân hoặc tập thể, thậm chí là hai nhà nước với cá nhân, tập thể, nhà nước hoặc quốc gia khác một cách có mục đích. Ngược lại từ “phỏng vấn” trong tiếng Việt lại có nghĩa là “1. Hỏi ý kiến một nhân vật nào đó để công bố trước dư luận; 2. Hỏi và trả lời trực tiếp, qua đó người hỏi đánh giá trình độ, năng lực v.v. của người trả lời để quyết định việc tuyển chọn” (Từ điển tiếng Việt). So sánh nghĩa của 访问 *phỏng vấn* trong tiếng Hán và “phỏng vấn” trong tiếng Việt có thể thấy, nghĩa của chúng hoàn toàn khác nhau. Điều đó chứng tỏ “sự biến đổi về nghĩa của những từ Việt gốc Hán so với nghĩa của từ nguyên gốc tương ứng trong tiếng Hán có thể chia làm hai trường hợp: một là thay đổi một phần sắc thái nghĩa hoặc có phát sinh nghĩa mới, hoặc thu hẹp nghĩa, hai là thay đổi hoàn toàn về nghĩa” (Phạm Ngọc Hàm, Lê Thị Thu Hoài, 2023, tr.6). Sự chênh lệch về nghĩa của hai từ này thuộc trường hợp thứ hai. Còn như với nghĩa thứ nhất “hỏi ý kiến một nhân vật nào đó để công bố trước dư luận” lại tương đương với 采访 trong tiếng Hán. Đáng tiếc rằng, trong đoạn thoại số 52 Tập 3 cùng lúc xuất hiện hai từ 访华 *phỏng Hoa* và 面试 *diện thí* nhưng dịch giả đều chuyên dịch bằng cùng một từ “phỏng vấn” sang tiếng Việt. Trong đó, từ 访华 chỉ dịch thành “phỏng vấn” là vừa sai, vừa bỏ lọt nghĩa, cần chỉnh lại thành “thăm Trung Quốc”. Lời thoại trên cần chỉnh lại như sau:

Tôi yêu cầu các em tất cả phải tuân theo tiêu chuẩn thủ tướng nước Pháp trong **chuyến thăm Trung Quốc** để diễn tập, mọi người đều phải ăn mặc nghiêm túc, nữ trang điểm nhẹ nhàng, bộ đồ cô mặc hôm **phỏng vấn** là không được.

4. Nguyên nhân và cách khắc phục lỗi

4.1. Nguyên nhân gây lỗi

Trong 10 tập đầu bộ phim *Phiên dịch viên xinh đẹp* (亲爱的翻译官), chỉ tính riêng thuật ngữ, dịch giả đã mắc hơn 20 lỗi thuộc diện nghiêm trọng, ảnh hưởng đến việc tiếp thu tri thức khoa học và cảm nhận tư tưởng nội dung của bộ phim. Từ những lỗi tiêu biểu được chúng tôi dẫn ra phân tích trên đây, có thể thấy, nguyên nhân gây lỗi khá đa dạng. Thứ nhất, phải kể đến dịch giả quá lệ thuộc vào âm Hán Việt và chịu ảnh hưởng tiêu cực của từ Hán Việt trong tiếng Việt. Thứ hai, dịch giả hiểu sai cấu trúc bản nguồn hoặc chịu ảnh hưởng của sự chuyển di tiêu cực từ ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ lên quá trình dịch. Thứ ba, dịch giả chưa thực sự hiểu rõ bản chất của thuật ngữ, hoặc chưa từng tiếp xúc với một số thuật ngữ trong ngôn ngữ đích, nên đưa ra phương án dịch không phù hợp. Thứ tư, dịch giả chưa nắm vững sự thay đổi về nghĩa của từ Hán Việt trong tiếng Việt so với từ tương ứng được mượn trong tiếng Hán. Thứ năm, dịch giả chưa cập nhật cách biểu đạt, dẫn tới sử dụng từ cũ để chuyển dịch trong khi từ cũ ấy đã được thay thế.

4.2. Một số biện pháp khắc phục lỗi

Để có thể khắc phục lỗi chuyển dịch thuật ngữ, dịch giả cần nắm vững sự thay đổi của từ Hán Việt trong tiếng Việt dưới tác động của quy tắc ngôn ngữ tiếng Việt và sự sử dụng từ Hán Việt của người Việt Nam. Trong quá trình dịch, cần chú ý đối chiếu, tìm ra điểm giống và khác nhau của từ Hán Việt với từ tương ứng trong tiếng Hán. Trên cơ sở nắm chắc tính đa nghĩa của từ, cần căn cứ vào ngữ cảnh để chuyển dịch thuật ngữ cho phù hợp với từng ngữ cảnh cụ thể. Dịch giả cần không ngừng trau dồi, nâng cao và cập

nhật kiến thức chuyên môn để có thể hiểu đúng từ ngữ trong bản nguồn và chuyển dịch chính xác sang ngôn ngữ đích. Việc đối chiếu Hán Việt trên các bình diện từ vựng, ngữ pháp cũng cần được chú trọng, chỉ khi tránh được sự chuyển di tiêu cực của tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ đích, dịch giả mới có thể chuyển dịch chính xác văn bản nguồn, trong đó có thuật ngữ sang ngôn bản đích. Ngoài ra, dịch giả cần nhận thức đúng đắn tính chất và tầm quan trọng của công tác dịch thuật, nhất là dịch phim để có sự gia công, tra cứu nhiều hơn nữa nhằm đưa ra phương án chuyển dịch vừa đúng, vừa trúng. Cái gọi là “trúng” ở đây là đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận bản dịch của khán giả. Bản dịch chất lượng hạn chế, đặc biệt là lỗi dù nhỏ cũng sẽ gây ảnh hưởng xấu đến việc thưởng thức phim ảnh của khán giả, đồng thời ảnh hưởng đến uy tín của ngành truyền thông.

5. Kết luận

Mặc dù bộ phim *Phiên dịch viên xinh đẹp* (亲爱的翻译官) đã được trình chiếu ở một số kênh truyền hình Việt Nam, song đi sâu khảo sát chất lượng bản dịch, chúng ta vẫn phát hiện một số hạn chế, trong đó có trường hợp dịch sai từ ngữ, bao gồm thuật ngữ thuộc các chuyên ngành khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi đã phân tích khá thấu đáo một số lỗi tiêu biểu về dịch thuật ngữ, đồng thời đưa ra phương án dịch tham khảo. Chúng tôi hi vọng, những nguyên nhân và cách khắc phục lỗi trên đây sẽ cung cấp cho dịch giả một số gợi ý, nhằm nâng cao chất lượng bản dịch, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thưởng thức phim truyền hình của đông đảo khán giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Phạm Ngọc Hàm, Quách Thị Hòa (2022), “Về dịch tiêu đề phim tâm lí xã hội Trung Quốc”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, Số 2.
2. Phạm Ngọc Hàm, Lê Thị Thu Hoài (2023), “Một số biến đổi của từ gốc Hán trong tiếng Việt”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, Số 4.
3. Trần Thị Minh (2024), “Việc dịch tựa đề phim từ tiếng Anh sang tiếng Việt tại cụm rạp CGV”, Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, Số 11 (229).
4. Hoàng Phê chủ biên (2020), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
5. Cẩm Tú Tài (2016), *Dịch tên phim nước ngoài sang tiếng Việt: Hiện trạng và giải pháp*, Nxb Dân trí.
6. Cẩm Tú Tài (2020), *Dịch Hán - Việt: Góc nhìn qua phương thức xử lí từ ngữ văn hóa*, Kỷ yếu HTQT Dịch thuật thời đại 4.0, Nxb ĐHQG gia Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Tu (1960), *Khái luận ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Lê Thị Tuấn (2020), *Vấn đề chuyển hóa liên kí hiệu trong điện ảnh châu Á hiện đại (trường hợp các phim cải biên từ tác phẩm của F. Dostoevsky)*, Luận án tiến sĩ, ĐHKHXH&NV.

Tiếng Trung Quốc

9. 李葆嘉、唐志超 (2001), 现代汉语规范词典 (*Từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại*), 吉林人民出版社.

Some Chinese-Vietnamese translation errors in the TV series "The Beautiful Interpreter"

Abstract: Along with the strong development in international cooperation in the field of culture, international television series, including Chinese television series, are increasingly entering Vietnam, contributing to satisfying the entertainment needs and desire to learn about the countries and people of the world for a large number of Vietnamese viewers. However, the quality of film translations still has certain limitations, affecting the reception of international language and culture through films. This article examines and points out some translation errors in the Vietnamese translation of the Chinese television series "Beautiful Translator," thereby identifying the causes and some corrective measures to improve the quality of the translation.

Key words: translation; television series; Chinese; Vietnamese.